

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP -  
DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI NGỌC NGHĨA**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 - 4
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	5 - 6
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14 - 45

1  
N  
F  
/



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty Mẹ") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301427028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 01 tháng 06 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty Mẹ tại thời điểm 30/06/2019 và 01/01/2019 là 522.500.000.000 VND tương đương với 52.250.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty Mẹ được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NNG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty Mẹ là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ plastic (trừ sản xuất xếp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không hoạt động tại trụ sở).
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa.
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở), bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, bán buôn cao su, bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/ phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh.
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê cao ốc, văn phòng.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, đồ uống không cồn, nước uống tinh khiết đóng chai.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia.
- Sản xuất máy chuyên dụng khác.
- In ấn.
- Sản xuất rượu vang.

Trong kỳ, hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại.

Trụ sở chính của Công ty Mẹ được đặt tại 27A Nguyễn Ơ Dĩ, P. Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Thông tin về chi nhánh**

Công ty Mẹ có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 1	IV-22 Tây Thạnh, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 2	Lô B1-8, Khu Công Nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 3	Khu phố 1 Lê Văn Khương, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 4	Lô A, đường NA7, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa số 6	Thôn Cây Sung, Xã Diên Tân, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa tại Bắc Ninh	Lô A3-1, A3-2 Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
7	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa	Phòng 707 Centre Point Building, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Công ty Mẹ có 4 công ty con bao gồm:

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty TNHH MTV PET Quốc tế	Lô 129-130 đường 6, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam	Lô B1-9 Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường D2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại bao bì nhựa.	100%	100%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu	Số 128, đường số 6, Khu chế xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	99%	99%
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa	Lô 123, Đường số 6, Khu chế xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	100%	100%





## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị:**

Họ tên	Chức vụ
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Chủ tịch
Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông La Văn Hoàng	Thành viên
Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên
Bà Đào Thị Thuận	Thành viên

#### **Ban kiểm soát:**

Họ tên	Chức vụ
Ông Trương Quốc Thắng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc:**

Họ tên	Chức vụ
Bà La Bùi Hồng Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị
Bà Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự
Bà Đào Thị Thuận	Giám đốc Cung ứng và Điều vận

Miễn nhiệm vào ngày 25/06/2019

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Mẹ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà La Bùi Hồng Ngọc	Việt Nam	Tổng Giám đốc

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Tập đoàn.

NGUYỄN VĂN THÀNH

0448  
CÔNG  
NHIỆM  
M T  
VIỆT  
TP.H

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **7. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2019

95-6  
TY  
H  
N  
NAN  
5CH





## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 02 tháng 08 năm 2019, từ trang 7 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

# BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ định kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

- Như đã trình bày tại mục 1.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty Mẹ chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần khi mua Công ty TNHH MTV PET Quốc tế và Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam mà chỉ dựa vào Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Mẹ để xác định giá trị lợi thế thương mại.
- Như đã trình bày tại mục 5.5 và 5.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính, theo Phụ lục số 03 ngày 03/09/2018 và Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 02/07/2018 của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú (nay là Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera) với ông Nguyễn Thăng Tài, các khoản vay phát sinh từ năm 2015 đến nay sẽ thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng này, các khoản vay phát sinh từ năm 2014 trở về trước sẽ thanh toán ngay và không tiếp tục tính lãi các khoản vay này; Ông Nguyễn Thăng Tài cam kết phần nợ vay mà Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú Công ty TNHH MTV PET Quốc tế sẽ được thanh toán trong thời hạn 1 năm kể từ ngày 02/07/2018 và Công ty TNHH MTV PET Quốc tế không tính lãi trong suốt thời hạn này.
- Như đã trình bày tại mục 5.5 và 5.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Mẹ chưa ký kết phụ lục gia hạn thời hạn thanh toán các khoản tiền cho Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế và Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison vay, do các khoản phải thu cho vay này đã đến hạn thu hồi; và chưa có thỏa thuận không tiếp tục tính lãi cho vay đối với các khoản vay này.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 2111-2018-009-1  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2019

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2018-009-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>35.707.243.910</b>	<b>98.037.263.884</b>
1. Tiền	111		35.707.243.910	98.037.263.884
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>71.977.083.333</b>	<b>71.977.083.333</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	71.977.083.333	71.977.083.333
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.206.542.849.470</b>	<b>1.121.608.471.688</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	382.666.053.217	327.046.668.994
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	190.836.034.015	125.646.805.663
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	712.930.000.000	712.930.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	336.989.592.178	372.899.495.103
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(416.964.086.067)	(416.964.086.067)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		85.256.127	49.587.995
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.8	<b>207.006.050.332</b>	<b>190.459.001.682</b>
1. Hàng tồn kho	141		207.006.050.332	190.459.001.682
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>105.713.114.572</b>	<b>80.367.387.004</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	16.310.731.497	7.233.862.645
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.18	75.815.709.529	59.550.662.685
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	13.586.673.546	13.582.861.674
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

27  
 T  
 A  
 R  
 G  
 I  
 5  
 4899  
 G T  
 E M H  
 T O A  
 E T N  
 H O

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>934.740.750.516</b>	<b>940.788.832.390</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.794.779.768</b>	<b>10.772.102.591</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	13.794.779.768	10.772.102.591
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>840.173.211.213</b>	<b>866.861.614.904</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	449.681.169.146	442.729.132.907
- Nguyên giá	222		1.177.770.434.824	1.129.315.182.026
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(728.089.265.678)	(686.586.049.119)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	118.514.616.952	150.717.584.399
- Nguyên giá	225		168.852.576.047	196.992.128.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(50.337.959.095)	(46.274.543.700)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	271.977.425.115	273.414.897.598
- Nguyên giá	228		296.724.688.150	296.724.688.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.747.263.035)	(23.309.790.552)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>50.558.254.215</b>	<b>26.836.807.732</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	50.558.254.215	26.836.807.732
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.214.505.320</b>	<b>36.318.307.163</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	26.619.154.030	26.407.947.544
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	(2.901.334.757)	117.148.076
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	5.15	6.496.686.047	9.793.211.543
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.561.687.092.133</b>	<b>2.503.238.039.981</b>

HỢP NHẤT



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.591.254.744.011</b>	<b>1.524.054.116.549</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.405.150.859.893</b>	<b>1.390.980.372.540</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	280.393.588.193	196.110.381.413
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	21.002.313.570	25.342.952.828
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	17.884.940.419	10.410.781.909
4. Phải trả người lao động	314		12.240.597.923	8.421.717.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	10.370.546.266	14.013.363.466
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	15.501.430.244	3.195.278.660
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	1.044.811.399.475	1.130.532.853.061
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.22	2.946.043.803	2.953.043.803
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>186.103.884.118</b>	<b>133.073.744.009</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	186.103.884.118	133.073.744.009
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>970.432.348.122</b>	<b>979.183.923.432</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.23	<b>970.432.348.122</b>	<b>979.183.923.432</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		522.500.000.000	522.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		522.500.000.000	522.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.170.386	46.900.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	(88.088.780.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		5.714.053.793	5.714.053.793
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.293.166.612	11.293.166.612
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		192.503.849	192.503.849
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		428.567.217.975	473.984.911.749
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		432.794.961.363	121.036.025.885
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(4.227.743.388)	352.948.885.864
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.164.235.507	6.688.067.429
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.561.687.092.133</b>	<b>2.503.238.039.981</b>



**ĐỒNG THỊ NGỌC TRIỀU**  
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



*La Bùi Hồng Ngọc*

**Tổng Giám đốc**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2019





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>895.769.393.337</b>	<b>782.416.027.808</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.914.618.693	21.707.403.498
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	6.1	<b>893.854.774.644</b>	<b>760.708.624.310</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	706.430.318.002	612.575.856.987
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>187.424.456.642</b>	<b>148.132.767.323</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.122.197.073	708.043.792.519
Chi phí tài chính	22	6.4	47.755.146.962	47.285.614.361
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		47.142.481.630	46.917.357.322
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	41.694.316.532	38.098.738.054
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	45.872.994.632	48.633.760.732
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>55.224.195.589</b>	<b>722.158.446.695</b>
Thu nhập khác	31	6.7	6.995.410.374	2.421.705.464
Chi phí khác	32	6.8	4.055.930.384	21.157.151.928
<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>2.939.479.990</b>	<b>(18.735.446.464)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>58.163.675.579</b>	<b>703.423.000.231</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.18	8.816.768.056	4.906.068.262
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.18	3.018.482.833	(49.377.502.565)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>46.328.424.690</b>	<b>747.894.434.534</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty Mẹ	61		46.109.174.000	747.560.037.780
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		219.250.690	334.396.754
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	6.9	<b>942</b>	<b>15.495</b>



**ĐỒNG THỊ NGỌC TRIỀU**  
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



*La Bùi Hồng Ngọc*  
**Tổng Giám đốc**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2019

06448  
CÔNG  
NHỊỆP  
TIÊM T  
C VIỆ  
- TP. H

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>58.163.675.579</b>	<b>703.423.000.231</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	50.278.756.016	58.052.729.485
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	-	-
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.960.277.689)	(695.111.303.875)
- Chi phí lãi vay	06	47.142.481.630	46.917.357.322
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>153.624.635.536</b>	<b>113.281.783.163</b>
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	(101.578.698.629)	(809.540.163.043)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(16.547.048.650)	85.872.499.828
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	54.351.663.840	728.433.345.157
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(9.288.075.338)	(1.876.660.580)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(46.368.424.291)	(47.534.084.526)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.690.068.519)	(3.150.543.955)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.000.000)	(2.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>24.496.983.949</b>	<b>65.483.676.044</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(65.295.575.740)	(18.522.806.232)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.579.775.258	9.697.272.730
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.070.418.980	9.983.762.734
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(56.645.381.502)</b>	<b>1.158.229.232</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.178.813.120.617	1.238.525.934.480
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.190.272.436.702)	(1.275.685.464.944)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(18.722.306.336)	(34.527.815.125)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(30.181.622.421)</b>	<b>(71.687.345.589)</b>





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(62.330.019.974)	(5.045.440.313)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	98.037.263.884	29.641.703.436
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50 + 60 + 61)	70	35.707.243.910	24.596.263.123

ĐỒNG THỊ NGỌC TRIỀU  
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2019



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty Mẹ") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301427028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 01 tháng 06 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty Mẹ tại thời điểm 30/06/2019 và 01/01/2019 là 522.500.000.000 VND tương đương với 52.250.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty Mẹ được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NNG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Trụ sở hoạt động của Công ty Mẹ được đặt tại 27A Nguyễn Ơ Dĩ, P. Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn (gồm công ty Mẹ và các công ty con) là sản xuất, dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty Mẹ là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ plastic (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không hoạt động tại trụ sở).
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa.
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở), bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, bán buôn cao su, bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/ phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh.
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê cao ốc, văn phòng.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, đồ uống không cồn, nước uống tinh khiết đóng chai.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia.
- Sản xuất máy chuyên dụng khác.
- In ấn.
- Sản xuất rượu vang.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

Trong kỳ, hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại.

### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn trong vòng 12 tháng.

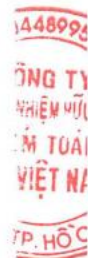
### 1.5. Cấu trúc của Tập Đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty Mẹ, 4 công ty con trực tiếp, cụ thể như sau:

#### Công ty Mẹ

Công ty Mẹ có các đơn vị trực thuộc với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 1	IV-22 Tây Thạnh, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 2	Lô B1-8, Khu Công Nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 3	Khu phố 1 Lê Văn Khương, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa Số 4	Lô A, đường NA7, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa số 6	Thôn Cây Sung, Xã Diên Tân, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa tại Bắc Ninh	Lô A3-1, A3-2 Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
7	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa	Phòng 707 Centre Point Building, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh



Danh sách các công ty con được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV PET Quốc tế (a)	Lô 129,130 đường 6, khu Chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam (b)	Lô B1-9, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường D2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại bao bì nhựa.	100%	100%

27 / 10  
T  
H  
A  
P  
C  
I  
G  
I  
H  
O

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu	Số 128, đường số 6, Khu Chế xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	99%	99%
Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa	Lô 123, Đường số 6, Khu Chế xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	100%	100%

- (a) Công ty Mẹ đã đầu tư 78.400.000.000 VND vào Công ty TNHH MTV PET Quốc tế, đạt được quyền sở hữu và quyền biểu quyết là 100%. Công ty Mẹ chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần khi mua Công ty TNHH MTV PET Quốc tế mà chỉ dựa vào Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Mẹ để xác định giá trị lợi thế thương mại. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty Mẹ đã cán trừ khoản phải trả do chuyển nhượng cổ phần với khoản tạm ứng của ông Nguyễn Hoàng Oanh. Khoản đầu tư này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (xem Thuyết minh 5.21).
- (b) Công ty Mẹ đã đầu tư 23.624.000.000 VND vào Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam, đạt được quyền sở hữu và quyền biểu quyết là 100%. Công ty Mẹ chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần khi mua Công ty TNHH MTV Nhựa P.E.T Việt Nam mà chỉ dựa vào Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Mẹ để xác định giá trị lợi thế thương mại. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty Mẹ đã cán trừ khoản phải trả do chuyển nhượng cổ phần với khoản tạm ứng của ông Nguyễn Hoàng Oanh. Khoản đầu tư này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (xem Thuyết minh 5.21).

### 1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

### 1.7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 902 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 921 người).

## 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019, Công ty Mẹ và các công ty con chưa đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

30  
CỔ  
CƠ  
CÔNG  
HUY  
30C  
T.P

QUẢN  
DỰA  
D.N.T.O.  
FRI  
A



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, ...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

1  
N  
A  
H  
H

0042  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TP.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính hợp nhất và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận tải	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 8

### 4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận tải	5 – 10

### 4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

42  
31  
HÀ  
P  
G  
G  
50

8995  
C TY  
HỮU  
TOÁN  
T NA  
HỒC



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, .... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 37 năm đến 50 năm; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Tập đoàn không trích khấu hao.

### **Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 6 năm.

#### **4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.13 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty Mẹ trong tổng giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng đánh giá được của đơn vị bị mua. Bất lợi thương mại (khoản chênh lệch âm) được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **4.14 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **4.15 Tiền lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

Y  
N  
I  
C  
H  
I  
A  
H  
I

C.T. T. M.  
H. N.  
H. M.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 4.16 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

### 4.17 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### 4.18 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty Mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 4.20 Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 4.21 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.22 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### 4.24 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

01/07/2019

4481  
CÔNG  
PHIÊN  
M T  
VIỆT  
TP.H



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.25 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	376.070.620	614.690.157
Tiền gửi ngân hàng		
- VND	30.589.425.241	81.449.867.160
- USD (*)	4.562.520.683	15.793.047.183
- EUR (*)	179.227.366	179.659.384
	<b>35.707.243.910</b>	<b>98.037.263.884</b>

(\*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2019:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
USD	196.403,70	4.562.520.683
EUR	6.801,38	179.227.366

### 5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	71.977.083.333	71.977.083.333	71.977.083.333	71.977.083.333
	<b>71.977.083.333</b>	<b>71.977.083.333</b>	<b>71.977.083.333</b>	<b>71.977.083.333</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) tại các Ngân hàng thương mại có lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,85%/năm (năm 2018: lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,3%/năm).

Trong đó, số dư tiền gửi ngắn hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty Mẹ là 40.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 40.000.000.000 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Mẹ (xem thuyết minh số 5.21).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera	66.769.612.336	59.711.452.656
Công ty TNHH Một Thành Viên COSIMO	12.971.272.291	40.463.428.413
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	42.297.452.807	35.606.674.503
West Coast Spring Water Pty Ltd.	19.256.502.214	28.467.916.029
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng Thái Long	24.889.260.426	25.779.600.426
Công ty TNHH Nước giải khát Coca - Cola Việt Nam	45.782.377.731	21.764.149.814
Công ty TNHH Nước giải khát Sunstory Pepsico Việt Nam	52.797.792.286	19.096.904.384
Công ty TNHH Dynaplast Packaging (Việt Nam) - Chi nhánh Bắc Ninh	17.523.456.821	17.572.647.583
Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison	15.200.979.433	13.818.579.433
Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Masan	3.224.939.409	5.102.705.322
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	8.246.967.267	4.247.632.730
Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế	638.409.421	2.110.319.421
Các khoản phải thu khách hàng khác	73.067.030.775	53.304.658.280
	<b>382.666.053.217</b>	<b>327.046.668.994</b>

### 5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Trả trước cho người bán - các tổ chức khác</b>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera	106.096.338.837	106.096.338.837
Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison	6.832.369.584	6.867.656.804
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Song Toàn	2.745.250.000	2.745.250.000
Yudo Valuepro Lab Canada Inc	7.657.722.185	2.256.181.200
Niigon Machines Ltd.	36.278.718.650	1.879.242.200
Sacmi Imola S.C	-	1.292.136.229
Putzmeister south East Asia CT Pte. Ltd.	59.292.803	894.253.986
Husky Injection Molding Singapore Pte. Ltd.	17.844.050.000	-
Công ty TNHH NKV Việt Nam	1.172.231.875	-
Các người bán khác	12.150.060.081	3.615.746.407
	<b>190.836.034.015</b>	<b>125.646.805.663</b>

### 5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu về cho vay - các tổ chức khác</b>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera (a)	571.630.000.000	571.630.000.000
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng Thái Long (a)	19.850.000.000	19.850.000.000
Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison (b)	71.700.000.000	71.700.000.000
Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế (b)	49.750.000.000	49.750.000.000
	<b>712.930.000.000</b>	<b>712.930.000.000</b>

Đây là các khoản phải thu về cho vay trong vòng một năm, không có tài sản đảm bảo với lãi suất 6,8%/năm (năm 2018: lãi suất từ 6,8%/năm). Các khoản cho vay này có thời hạn thu hồi trong vòng 12 tháng kể từ ngày cho vay.

- (a) Đây là khoản phải thu về cho vay không có tài sản đảm bảo với lãi suất 6,8%/năm. Theo phụ lục số 02 ngày 01/02/2018 của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của các công ty trong Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú với ông Nguyễn Thăng Tài, các khoản vay này có thời hạn thu hồi trong vòng 10 năm kể từ ngày chuyển nhượng với thời gian ân hạn thanh toán nợ là 3 năm (không tính lãi vay trong suốt thời gian này).







## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

- (a) Theo Phụ lục số 02 ngày 01/02/2018 của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Mẹ tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú với ông Nguyễn Thăng Tài, các khoản lãi vay này có thời hạn thu hồi trong vòng 10 năm kể từ ngày chuyển nhượng với thời gian ân hạn thanh toán nợ là 3 năm (không tính lãi vay trong suốt thời gian này). Đến ngày 31/12/2018, Công ty Mẹ đã làm phụ lục thay đổi thời hạn thu hồi trong vòng 12 tháng.

Theo Phụ lục số 03 ngày 03/09/2018 của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Mẹ tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú (nay là: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera) với ông Nguyễn Thăng Tài, các khoản vay phát sinh từ năm 2015 đến nay sẽ thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng này, các khoản vay phát sinh từ năm 2014 trở về trước sẽ thanh toán ngay và không tiếp tục tính lãi các khoản vay này.

Theo Phụ lục hợp đồng số 03 được ký kết ngày 02/07/2018 giữa Công ty TNHH MTV PET Quốc tế với ông Nguyễn Thăng Tài về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty TNHH MTV PET Quốc tế tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera), Ông Nguyễn Thăng Tài cam kết phần nợ vay mà Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú nợ Công ty TNHH MTV PET Quốc tế sẽ được thanh toán trong thời hạn 1 năm kể từ ngày 02/07/2018 và Công ty TNHH MTV PET Quốc tế không tính lãi trong suốt thời hạn này.

- (b) Trong kỳ, Công ty Mẹ không tiếp tục tính lãi cho Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế và Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison vay nhưng chưa ký kết phụ lục hợp đồng thể hiện việc không tiếp tục tính lãi các khoản vay này.
- (c) Đây là khoản tiền phải thu về việc chuyển nhượng phần vốn góp của Tập đoàn tại Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế và Công ty TNHH Thịt ngon Quốc tế La Maison cho bà Bùi Bích Hợp.
- (d) Đây là khoản tiền tạm ứng cho nhân viên đại diện Tập đoàn để mua nguyên vật liệu.

### 5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	13.794.779.768	-	10.772.102.591	-
	<b>13.794.779.768</b>	<b>-</b>	<b>10.772.102.591</b>	<b>-</b>

4  
C  
T  
N

0441  
CÔNG  
NHIỆ  
EM  
VIỆ  
TP. H

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 5.7 Nợ xấu

#### Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>						
Công ty Cổ phần Nước khoáng ĐaKai	84.092.264	-	(84.092.264)	84.092.264	-	(84.092.264)
Công ty TNHH Vàng Biển Đông	89.994.528	-	(89.994.528)	89.994.528	-	(89.994.528)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan	118.467.360	-	(118.467.360)	118.467.360	-	(118.467.360)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Quân	37.573.800	-	(37.573.800)	37.573.800	-	(37.573.800)
Các khách hàng khác	39.347.000	-	(39.347.000)	39.347.000	-	(39.347.000)
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>						
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Song Toàn	2.745.250.000	-	(2.745.250.000)	2.745.250.000	-	(2.745.250.000)
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Thái Thành	781.107.195	-	(781.107.195)	781.107.195	-	(781.107.195)
Các khách hàng khác	668.253.920	-	(668.253.920)	668.253.920	-	(668.253.920)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>						
Cho Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera vay (*)	543.500.000.000	131.100.000.000	(412.400.000.000)	543.500.000.000	131.100.000.000	(412.400.000.000)
	<b>548.064.086.067</b>	<b>131.100.000.000</b>	<b>(416.964.086.067)</b>	<b>548.064.086.067</b>	<b>131.100.000.000</b>	<b>(416.964.086.067)</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty Mẹ trích dự phòng các khoản cho Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Opera vay theo các hợp đồng đã quá hạn trả nợ phát sinh từ năm 2013 và 2014.

### 5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	88.384.235.691	-	54.489.675.862	-
Công cụ, dụng cụ	11.222.205.234	-	15.338.927.113	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.682.386.477	-	28.144.488.644	-
Thành phẩm	68.524.910.886	-	85.651.575.615	-
Hàng hóa	3.144.612.350	-	724.071.209	-
Hàng gửi đi bán	10.047.699.694	-	6.110.263.239	-
	<b>207.006.050.332</b>	<b>-</b>	<b>190.459.001.682</b>	<b>-</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

#### 5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.717.647.521	6.427.952.661
Chi phí thuê nhà xưởng, văn phòng	6.302.284.596	-
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	1.058.925.380	-
Chi phí mua bảo hiểm	342.815.101	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.889.058.899	805.909.984
	<b>16.310.731.497</b>	<b>7.233.862.645</b>

#### 5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	25.638.908.257	26.407.947.544
Chi phí sửa chữa	980.245.773	-
	<b>26.619.154.030</b>	<b>26.407.947.544</b>

### 5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại 01/01/2019	175.371.441.926	921.919.231.476	24.319.148.128	7.705.360.496	1.129.315.182.026
Mua sắm trong kỳ	-	3.628.709.000	14.786.192	80.000.000	3.723.495.192
Tăng từ TSCĐ thuê tài chính	-	21.375.464.817	6.764.087.235	-	28.139.552.052
Chuyển từ XDCB sang	-	29.892.617.001	1.917.410.965	-	31.810.027.966
Thanh lý	-	(11.408.873.102)	(3.808.949.310)	-	(15.217.822.412)
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>175.371.441.926</b>	<b>965.407.149.192</b>	<b>29.206.483.210</b>	<b>7.785.360.496</b>	<b>1.177.770.434.824</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại 01/01/2019	55.311.240.169	610.801.563.428	13.497.943.953	6.975.301.569	686.586.049.119
Khấu hao trong kỳ	3.998.545.934	31.502.584.254	1.053.423.109	65.846.538	36.620.399.835
Tăng từ TSCĐ thuê tài chính	-	5.914.812.267	2.242.656.036	-	8.157.468.303
Thanh lý	-	(1.759.597.656)	(1.515.053.923)	-	(3.274.651.579)
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>59.309.786.103</b>	<b>646.459.362.293</b>	<b>15.278.969.175</b>	<b>7.041.148.107</b>	<b>728.089.265.678</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/01/2019	120.060.201.757	311.117.668.048	10.821.204.175	730.058.927	442.729.132.907
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>116.061.655.823</b>	<b>318.947.786.899</b>	<b>13.927.514.035</b>	<b>744.212.389</b>	<b>449.681.169.146</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại 01/01/2019	5.623.045.323	104.011.033.301	4.470.903.515	6.375.032.497	120.480.014.636
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>5.623.045.323</b>	<b>110.267.473.068</b>	<b>4.470.903.515</b>	<b>6.375.032.497</b>	<b>126.736.454.403</b>

Như trình bày tại thuyết minh số 5.21, một số tài sản cố định hữu hình đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng. Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 96.353.497.020 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 116.762.036.954 VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 5.11 Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại 01/01/2019	156.198.392.806	40.793.735.293	196.992.128.099
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(21.375.464.817)	(6.764.087.235)	(28.139.552.052)
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>134.822.927.989</b>	<b>34.029.648.058</b>	<b>168.852.576.047</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại 01/01/2019	41.307.930.645	4.966.613.055	46.274.543.700
Khấu hao trong kỳ	11.781.611.338	439.272.360	12.220.883.698
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(5.914.812.267)	(2.242.656.036)	(8.157.468.303)
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>47.174.729.716</b>	<b>3.163.229.379</b>	<b>50.337.959.095</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại 01/01/2019	114.890.462.161	35.827.122.238	150.717.584.399
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>87.648.198.273</b>	<b>30.866.418.679</b>	<b>118.514.616.952</b>

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (xem Thuyết minh 5.21).

### 5.12 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại 01/01/2019	291.928.084.476	4.796.603.674	296.724.688.150
Tăng trong kỳ	-	-	-
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>291.928.084.476</b>	<b>4.796.603.674</b>	<b>296.724.688.150</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại 01/01/2019	19.476.270.764	3.833.519.788	23.309.790.552
Khấu hao trong kỳ	1.234.284.036	203.188.447	1.437.472.483
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>20.710.554.800</b>	<b>4.036.708.235</b>	<b>24.747.263.035</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại 01/01/2019	272.451.813.712	963.083.886	273.414.897.598
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>271.217.529.676</b>	<b>759.895.439</b>	<b>271.977.425.115</b>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là:

Tại 01/01/2019	-	2.125.503.674	2.125.503.674
<b>Tại 30/06/2019</b>	<b>-</b>	<b>3.252.003.674</b>	<b>3.252.003.674</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 đang thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng là 252.604.916.336 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 253.447.885.580 VND) (xem thuyết minh 5.21).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 199.433.000.000 VND), giá trị quyền sử dụng đất này không tính khấu hao.

### 5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019 VND	Chi phí phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ VND	Kết chuyển giảm khác VND	30/06/2019 VND
Mua sắm máy móc thiết bị	22.614.037.764	65.703.850.148	(31.810.027.966)	(10.172.375.699)	46.335.484.247
Xây dựng cơ bản dở dang	4.222.769.968	-	-	-	4.222.769.968
	<b>26.836.807.732</b>	<b>65.703.850.148</b>	<b>(31.810.027.966)</b>	<b>(10.172.375.699)</b>	<b>50.558.254.215</b>

### 5.14 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Kỳ kế toán 6 tháng năm 2019	Tại ngày 01/01 VND	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh VND	Tại ngày 30/06 VND
Các khoản lỗ tính thuế	117.148.076	(3.018.482.833)	(2.901.334.757)
	<b>117.148.076</b>	<b>(3.018.482.833)</b>	<b>(2.901.334.757)</b>

### 5.15 Lợi thế thương mại

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	65.930.509.910	65.930.509.910
<b>Phân bổ lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	56.137.298.367	49.544.247.375
Phân bổ trong kỳ	3.296.525.496	6.593.050.992
Số dư cuối kỳ	<b>59.433.823.863</b>	<b>56.137.298.367</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	9.793.211.543	16.386.262.535
Số dư cuối kỳ	<b>6.496.686.047</b>	<b>9.793.211.543</b>

### 5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả người bán khác</b>		
Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	36.178.383.780	37.999.534.650
Unilever Asia Private Limited	35.491.272.127	22.036.007.083
Aci Chemicals Asia Inc	-	3.476.536.875
Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông	58.625.557.100	19.787.529.300
Frigel FirenzeS.p.A	13.423.037.976	-
Các nhà cung cấp khác	136.675.337.210	112.810.773.505
	<b>280.393.588.193</b>	<b>196.110.381.413</b>

Số dư phải trả người bán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 không quá hạn thanh toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 5.17 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Cambrew Limited	1.022.131.227	5.626.777.098
Asia Pacific Beverages Myanmar Co., Ltd.	1.251.961.815	2.652.113.270
Asia Brewery, Inc.	1.467.267.858	-
Liwayway Marketing Corporation	-	2.599.480.219
Yuai Inc	1.665.746.773	757.223.404
Tappoo Limited T/A Eddie Bin Beverage Ltd.	1.547.767.982	-
Công ty TNHH Nước tinh khiết Núi Tiên	1.543.289.000	1.543.289.000
Các khách hàng khác	12.504.148.915	12.164.069.837
	<b>21.002.313.570</b>	<b>25.342.952.828</b>

### 5.18 Thuế và các khoản (phải thu), phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		Phát sinh trong kỳ		30/06/2019	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp / Kết chuyển VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT	475.101.731	-	187.157.615.240	(179.436.400.247)	8.196.316.724	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	20.035.682.283	(20.035.682.283)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	4.925.814.328	(4.929.626.200)	-	(3.811.872)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.597.845.401	(13.582.861.674)	8.816.768.056	(9.690.068.519)	8.724.544.938	(13.582.861.674)
Thuế thu nhập cá nhân	274.230.399	-	4.325.990.918	(3.636.142.560)	964.078.757	-
Các loại thuế khác	63.604.378	-	26.624.532	(90.228.910)	-	-
	<b>10.410.781.909</b>	<b>(13.582.861.674)</b>	<b>225.288.495.357</b>	<b>(217.818.148.719)</b>	<b>17.884.940.419</b>	<b>(13.586.673.546)</b>

#### Thuế GTGT được khấu trừ

	01/01/2019 VND	Phát sinh tăng VND	Kết chuyển khấu trừ/ Giảm khác VND	30/06/2019 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	59.550.662.685	189.233.230.938	(172.968.184.094)	75.815.709.529

044  
ĐƠN  
NHÌ  
M 1  
VIỆ  
TP. H



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>58.163.675.579</b>	<b>703.423.000.231</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.360.101.949	4.397.625.054
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>59.523.777.528</b>	<b>707.820.625.285</b>
Lỗi các năm trước được chuyển	(15.092.414.165)	(105.782.825.294)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>44.431.363.363</b>	<b>602.037.799.991</b>
Trong đó:		
Thu nhập hoạt động ưu đãi	52.930.640.889	38.599.299.790
Thu nhập hoạt động thông thường	(8.499.277.526)	563.438.500.201
Thuế suất áp dụng cho:		
- Hoạt động ưu đãi	17%	17%
- Hoạt động thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.621.404.692	8.277.749.633
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(896.859.754)	(3.371.681.371)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	92.223.118	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.816.768.056</b>	<b>4.906.068.262</b>

Các công ty trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ năm mà Công ty bắt đầu hoạt động và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo. Sau đó, từ năm 2016, cả hai công ty có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất là 17% cho số năm còn lại của 10 năm đầu tiên kể từ năm mà Công ty bắt đầu hoạt động.

Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ năm mà Công ty bắt đầu hoạt động và theo thuế suất thu nhập thông thường cho những năm sau đó; và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho 2 năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Mẹ, Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất thông thường là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	3.018.482.833	(49.377.502.565)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 5.19 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay	4.482.387.432	3.708.330.093
Chi phí công tác, hoạt động xe tải	447.729.992	160.981.681
Chi phí lương, thưởng	4.252.063.818	7.862.093.736
Các chi phí phải trả khác	1.188.365.024	2.281.957.956
	<b>10.370.546.266</b>	<b>14.013.363.466</b>

### 5.20 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Tiền mua cổ phần - Bà La Bùi Hồng Ngọc	3.540.000.000	-
Tiền mua cổ phần - Bà Bùi Bích Hồng	3.540.000.000	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	5.156.388.999	1.205.335.362
Tiền mượn các cá nhân	400.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.596.123.642	1.831.941.398
Các khoản phải trả khác	268.917.603	158.001.900
	<b>15.501.430.244</b>	<b>3.195.278.660</b>

### 5.21 Vay và nợ thuê tài chính

#### 5.21.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2019 Giá trị/ Số có khả năng trả nợ VND	01/01/2019 Giá trị/ Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	894.150.179.959	977.880.007.457
Vay dài hạn đến hạn trả	20.008.198.984	19.546.750.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	30.653.020.532	33.106.095.604
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	100.000.000.000	100.000.000.000
	<b>1.044.811.399.475</b>	<b>1.130.532.853.061</b>

Điều kiện và các điều khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,7% - 7,0%	700.632.330.086	572.521.634.694
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	USD	3,6 %	6.668.775.970	108.024.215.440
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	VND	5,34%	58.276.361.280	64.082.261.126
Ngân hàng China Construction	VND	7,0%	63.983.742.900	180.014.587.545
Ngân hàng China Construction	USD		-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VND	8,8%	37.872.788.544	23.258.775.290
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	USD		-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Gia Định	VND	8,9%	26.716.181.179	29.978.533.362
			<b>894.150.179.959</b>	<b>977.880.007.457</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Đây là các khoản vay giữa Tập đoàn và các ngân hàng thương mại theo các hợp đồng tín dụng để bổ sung vốn sung vốn lưu động. Các khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất với giá trị thế chấp là 264.545.000.000 VND; tài sản cố định hữu hình với giá trị thế chấp là 82.176.000.000 VND; vốn góp ở công ty con với giá trị là 315.187.760.000 VND và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị là 40.000.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2019	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giảm khác	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	977.880.007.457	1.096.937.385.118	-	(1.180.396.149.710)	(271.062.906)	894.150.179.959
Vay dài hạn đến hạn trả	19.546.750.000	-	10.337.735.976	(9.876.286.992)	-	20.008.198.984
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	33.106.095.604	-	18.507.859.414	(18.722.306.336)	(2.238.628.150)	30.653.020.532
Trái phiếu thường đến hạn trả	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000
	<b>1.130.532.853.061</b>	<b>1.096.937.385.118</b>	<b>28.845.595.390</b>	<b>(1.208.994.743.038)</b>	<b>(2.509.691.056)</b>	<b>1.044.811.399.475</b>

### 5.21.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

		30/06/2019	01/01/2019
		Giá trị/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>			
<b>Vay dài hạn</b>			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(a)	160.626.760.648	100.476.165.899
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(b)	6.235.713.008	5.580.000.000
<b>Nợ thuê tài chính</b>			
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(c)	32.063.748.407	40.400.601.569
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	(c)	16.800.010.403	21.127.478.879
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	(c)	12.235.061.568	18.142.343.266
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	(c)	8.803.809.600	-
Trái phiếu thường	(d)	100.000.000.000	100.000.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
Vay dài hạn đến hạn trả		(20.008.198.984)	(19.546.750.000)
Nợ thuê tài chính đến hạn trả		(30.653.020.532)	(33.106.095.604)
		<b>186.103.884.118</b>	<b>133.073.744.009</b>

- (a) Đây là khoản vay giữa Tập đoàn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng để đầu tư xây dựng. Các khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định với giá trị thế chấp là 354.042.000.000 VND và toàn bộ phần vốn góp của Công ty Mẹ tại Công ty TNHH MTV Bao bì Quốc tế Ngọc Nghĩa có giá trị 115.000.000.000 VND.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	01/01/2019	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	86.509.415.899	70.682.594.749	-	(10.337.735.976)	146.854.274.672
Nợ thuê tài chính dài hạn	46.564.328.110	11.193.140.750	-	(18.507.859.414)	39.249.609.446
Trái phiếu thường dài hạn	-	-	-	-	-
	<b>133.073.744.009</b>	<b>81.875.735.499</b>	-	<b>(28.845.595.390)</b>	<b>186.103.884.118</b>

### 5.22 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2019	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	1.398.406.215	-	-	1.398.406.215
Quỹ phúc lợi	1.554.637.588	-	(7.000.000)	1.547.637.588
	<b>2.953.043.803</b>	-	<b>(7.000.000)</b>	<b>2.946.043.803</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI NGỌC NGHĨA  
27A Nguyễn U Dĩ, P. Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 5.23 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

#### 5.23.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2018	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	104.653.929.070	9.052.647.907	612.217.521.231									
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	352.948.885.864	563.369.794	353.512.255.658									
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	16.382.096.815	(2.927.950.272)	13.454.146.543									
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>522.500.000.000</b>	<b>46.900.000.000</b>	<b>(88.088.780.000)</b>	<b>5.714.053.793</b>	<b>11.293.166.612</b>	<b>192.503.849</b>	<b>473.984.911.749</b>	<b>6.688.067.429</b>	<b>979.183.923.432</b>									
Số dư tại 01/01/2019	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	473.984.911.749	6.688.067.429	979.183.923.432									
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	46.109.174.000	219.250.690	46.328.424.690									
Chia cổ tức	-	(46.898.829.614)	88.088.780.000	-	-	-	(41.189.950.386)	(4.743.082.612)	(55.080.000.000)									
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(50.336.917.388)											
<b>Số dư tại 30/06/2019</b>	<b>522.500.000.000</b>	<b>1.170.386</b>	<b>-</b>	<b>5.714.053.793</b>	<b>11.293.166.612</b>	<b>192.503.849</b>	<b>428.567.217.975</b>	<b>2.164.235.507</b>	<b>970.432.348.122</b>									





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 5.23.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty Mẹ tương ứng là 522.500.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	30/06/2019		01/01/2019	
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND
Ông La Văn Hoàng	17.134.180	171.341.800.000	15.822.496	158.224.960.000
Bà Bùi Bích Hồng	10.554.834	105.548.340.000	9.746.823	97.468.230.000
Bà La Bùi Hồng Ngọc	10.329.201	103.292.010.000	9.538.463	95.384.630.000
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	7.376.698	73.766.980.000	6.811.985	68.119.850.000
Các cổ đông khác	6.855.087	68.550.870.000	6.326.155	63.261.550.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	4.004.078	40.040.780.000
	<b>52.250.000</b>	<b>522.500.000.000</b>	<b>52.250.000</b>	<b>522.500.000.000</b>

### 5.23.3 Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	52.250.000	52.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	52.250.000	52.250.000
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	52.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	(4.004.078)
Cổ phiếu phổ thông	-	(4.004.078)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.250.000	48.245.922
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	48.245.922
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

### 5.23.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty Mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHCEĐ/NQ/18 ngày 22 tháng 05 năm 2018 bằng 4.004.078 cổ phiếu quỹ tương đương 88.088.780.000 VND.

### 5.24 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

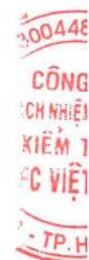
#### Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Từ 1 năm trở xuống	21.616.638.368	19.156.432.000
Trên 1 năm đến 5 năm	33.654.476.912	43.721.934.000
	<b>55.271.115.280</b>	<b>62.878.366.000</b>

#### Ngoại tệ các loại

	30/06/2019 Ngoại tệ	01/01/2019 Ngoại tệ
Đô la Mỹ (USD)	196.403,70	682.348,86
Euro (EUR)	6.801,38	6.817,76



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa	885.160.932.045	771.549.125.997
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.581.168.940	9.612.105.325
Doanh thu khác	27.292.352	1.254.796.486
	<u>895.769.393.337</u>	<u>782.416.027.808</u>
Các khoản giảm trừ:		
Chiết khấu thương mại	(326.829.800)	(1.469.706.098)
Hàng bán bị trả lại	(1.587.788.893)	(20.237.697.400)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>893.854.774.644</u></b>	<b><u>760.708.624.310</u></b>

#### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn hàng bán của hàng hóa	695.909.388.325	603.263.496.990
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.520.929.677	9.312.359.997
	<u>706.430.318.002</u>	<u>612.575.856.987</u>

#### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	2.421.108.530	9.989.686.411
Lãi chênh lệch tỷ giá	701.088.543	444.879.154
Thu nhập chuyển nhượng cổ phần	-	3.056.080.000
Thu nhập từ thanh lý công ty con	-	694.553.146.954
	<u>3.122.197.073</u>	<u>708.043.792.519</u>

#### 6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	47.142.481.630	46.917.357.322
Lỗ chênh lệch tỷ giá	410.976.607	368.257.039
Chiết khấu thanh toán	183.663.605	-
Chi phí tài chính khác	18.025.120	-
	<u>47.755.146.962</u>	<u>47.285.614.361</u>





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 6.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	11.397.192.788	8.943.912.568
Chi phí vật liệu bao bì	127.384.924	285.986.690
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	9.254.866
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.768.006	169.035.730
Chi phí vận chuyển	28.110.805.337	23.156.317.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.338.788	3.312.351.189
Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối	816.722.782	616.025.195
Chi phí bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa	-	7.170.000
Chi phí bán hàng khác	883.103.907	1.598.684.604
	<b>41.694.316.532</b>	<b>38.098.738.054</b>

### 6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	28.389.514.178	22.040.824.608
Chi phí đồ dùng văn phòng	213.103.635	257.449.576
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.784.999.782	1.932.681.759
Thuế, phí và lệ phí	202.564.339	143.492.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.444.916.410	12.139.881.867
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.837.896.288	12.119.430.697
	<b>45.872.994.632</b>	<b>48.633.760.732</b>

### 6.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thu nhập từ cho thuê	2.024.727.270	1.608.145.962
Thu nhập từ xử lý công nợ	-	53.049.581
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	3.130.440.842	181.750.000
Thu nhập từ bảo trì khuôn	1.396.117.250	-
Thu nhập khác	444.125.012	578.759.921
	<b>6.995.410.374</b>	<b>2.421.705.464</b>

### 6.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	460.830.841	12.487.609.490
Chi phí khấu hao của tài sản thuê	2.817.403.060	5.736.519.060
Các khoản phạt, vi phạm hợp đồng	49.136.654	56.669.130
Chi phí khác	728.559.829	2.876.354.248
	<b>4.055.930.384</b>	<b>21.157.151.928</b>

M.S.D.N. QUẢN



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty Mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty Mẹ	46.109.174.000	747.560.037.780
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>46.109.174.000</b>	<b>747.560.037.780</b>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	48.931.703	48.245.922
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>942</b>	<b>15.495</b>

### 6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	677.598.234.503	565.833.498.715
Chi phí nhân công	86.967.191.785	70.603.671.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.461.352.956	52.316.210.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.395.803.900	60.395.334.359
Chi phí khác	67.468.067.651	56.590.300.483
<b>941.890.650.795</b>	<b>941.890.650.795</b>	<b>805.739.015.659</b>

## 7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

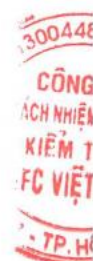
#### Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	10.392.386.441	8.886.219.230

Trong kỳ, Tập đoàn có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Bà La Bùi Hồng Ngọc</b>	
Nhận lại tạm ứng	2.071.703.279
Tạm ứng	480.680.646
Mua lại cổ phần	3.540.000.000





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Từ 01/01/2019  
đến 30/06/2019  
VND

### Ông La Bùi Hoàng Nghĩa

Nhận lại tạm ứng	88.022.703
Tạm ứng	103.444.338
Mua lại cổ phần	24.000.000.000
Cần trừ công nợ	24.000.000.000

### Bà Bùi Bích Hồng

Tạm ứng	8.123.538
Mua lại cổ phần	27.540.000.000
Cần trừ công nợ	24.000.000.000

### Bà Đào Thị Thuận

Nhận lại tạm ứng	1.264.820.379
Tạm ứng	122.820.379

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, số dư các khoản phải thu/ phải trả với các bên liên quan như sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Phải thu khác	4.893.664.740	7.603.142.200
Phải trả khác	7.080.000.000	-

## 7.2 Thông tin bộ phận

### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

### Bộ phận theo khu vực địa lý

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tập đoàn theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

Doanh thu bộ phận	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Trong nước	721.888.069.896	652.814.558.148
Xuất khẩu	171.966.704.748	107.894.066.162
	<b>893.854.774.644</b>	<b>760.708.624.310</b>

### Tài sản bộ phận

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Trong nước	2.561.687.092.133	2.503.238.039.981
Xuất khẩu	-	-
	<b>2.561.687.092.133</b>	<b>2.503.238.039.981</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**ĐỒNG THỊ NGỌC TRIỀU**  
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



**Tổng Giám đốc**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2019

